

CHỈ THỊ

**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026**

Năm 2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm là diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, cũng là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2026 – 2030 theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Với quyết tâm cùng cả nước bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2026, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi tắt là các sở, ngành và địa phương) không ngừng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, không để lãng phí thời gian và cơ hội, coi người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể của mọi chính sách, phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng, biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt để tăng trưởng năm 2026 đạt hai con số, tạo đà thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 – 2030; trên tinh thần đó, tập trung triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2026 như sau:

**A. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI NĂM 2026**

I. YÊU CẦU

**1. Đối với đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã
hội (KT-XH) năm 2025**

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 và năm 2025, các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Quyết định, chỉ đạo của UBND tỉnh; Kế hoạch hành động số 441/KH-UBND ngày 20/3/2025 thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tỉnh Quảng Bình năm 2025 đạt 8% trở lên.

b) Đánh giá đúng thực chất, bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, có so sánh với

năm 2024, bao gồm: Các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KT-XH 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2025; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, phân tích kỹ nguyên nhân chủ quan và khách quan; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá trong những tháng cuối năm để thực hiện thành công Kế hoạch năm 2025.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026

a) Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, thực chất kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2025 và dự báo tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh; phân tích, dự báo, chủ động các phương án, giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hai con số.

b) Mục tiêu, định hướng và giải pháp phải bám sát, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, các chỉ đạo của Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, dự thảo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các Nghị quyết, văn bản điều hành của HĐND, UBND tỉnh; bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả” và lượng hóa được.

c) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch, chiến lược về phát triển KT-XH, phù hợp với điều kiện thực tiễn, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; kế thừa những thành quả đạt được, có đổi mới, tiếp cận xu hướng phát triển chung của thế giới, khu vực và trong nước, cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, của tỉnh; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với thông lệ, thực hiện phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thống kê trong xây dựng số liệu.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các sở, ngành và địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025, các sở, ngành tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Các sở, ngành đánh giá

trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 441/KH-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh và các Kế hoạch triển khai các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ; trong đó, tập trung làm rõ một số vấn đề cụ thể sau:

(1) Công tác rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tháo gỡ các điểm nghẽn; giải quyết các dự án tồn đọng; xây dựng khung khổ pháp lý để triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về kinh tế tư nhân, đổi mới sáng tạo...

(2) Công tác điều hành thu chi NSNN; điều hành giá; tín dụng, lãi suất, tỷ giá, quản lý thị trường vàng; thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất...; thúc đẩy đầu tư công; thu hút vốn đầu tư nước ngoài; thúc đẩy thương mại hài hòa, bền vững với các đối tác; tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới.

(3) Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy; tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; kỷ luật, kỷ cương, hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; đẩy mạnh sắp xếp, xử lý hiệu quả tài sản công sau sáp nhập, tinh gọn tổ chức bộ máy.

(4) Tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, ưu tiên công trình giao thông trọng điểm, quan trọng của quốc gia, của tỉnh trên địa bàn, hệ thống đường bộ cao tốc, các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án quy mô lớn. Thu hút đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư.

(5) Thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Triển khai hiệu quả các Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

(6) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển.

(7) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.



(8) Tăng cường liên kết vùng; thực hiện các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị; phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng.

(9) Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

(10) Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thu hút các nguồn lực để phát triển tỉnh nhà.

(11) Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận.

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ngành tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị.

Đối với địa phương, UBND các đơn vị hành chính cấp xã (sau sắp xếp theo Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh) thực hiện đánh giá chung tình hình phát triển KT-XH năm 2025 trên địa bàn sau sáp nhập.

2. Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026

Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 được xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng như cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt hơn, xung đột cục bộ kéo dài, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái môi trường, an ninh phi truyền thống, khan hiếm tài nguyên và an ninh nguồn nước. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn... tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực. Trong nước, sau 40 năm đổi mới, thể và lực, uy tín và vị thế quốc tế của đất nước không ngừng được nâng cao. Nền kinh tế đạt nhiều thành tựu quan trọng, năng lực quản trị quốc gia, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được tăng cường; cải cách thể chế, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, xây dựng Nhà nước pháp quyền và phát triển kinh tế tư nhân tiếp tục là những động lực then chốt cho tăng trưởng. Tuy nhiên, KT-XH còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất định; chất lượng tăng trưởng chưa bền vững; già hóa dân số, thiên tai, dịch bệnh và tác động từ tình hình quốc tế đặt ra nhiều thách thức gay gắt hơn.

Trong tỉnh, sau hơn 35 năm tái lập (1989 - 2025) và chính thức hợp nhất từ năm 2025, đánh dấu khởi đầu giai đoạn phát triển mạnh mẽ của tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất), tạo ra không gian mới, động lực mới, thời cơ mới với các dự án

trọng điểm đang được triển khai, kết cấu hạ tầng có chuyển biến tích cực. Tuy vậy, vẫn đối diện nhiều khó khăn: Quy mô kinh tế nhỏ, nguồn lực đầu tư hạn chế, hạ tầng thiếu đồng bộ, thiên tai bất thường, sản xuất kinh doanh còn nhiều thách thức, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn phức tạp.

Trong bối cảnh đó, các sở, ngành (trên cơ sở tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh của tỉnh Quảng Trị tương ứng) và địa phương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2026, nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026.

c) Mục tiêu chủ yếu. Các sở, ngành và địa phương xây dựng phương án tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương; các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển cụ thể, có định lượng, rõ kết quả của ngành, lĩnh vực, địa phương, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng của tỉnh đạt hai con số trong năm 2026 và phù hợp với điều kiện thực tiễn, trình độ phát triển.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

- Xác định công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích đổi mới sáng tạo, thu hút mọi nguồn lực cho phát triển; tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/03/2025 của Chính phủ. Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật đảm bảo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

- Phối hợp xây dựng và triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ, đầu tư, thị trường, giá cả, thương mại và các chính sách khác để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế, tạo lập mô hình tăng trưởng mới, chất lượng cao, tăng năng suất lao động. Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Triển khai đồng bộ các giải pháp kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy xuất khẩu; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Đẩy mạnh xây dựng các thương hiệu nổi bật của tỉnh, tăng cường phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng

giả. Phát triển hạ tầng dịch vụ logistics chất lượng và hiệu quả; định hướng phát triển các trung tâm logistic, cảng cạn tại các khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế như các Khu kinh tế ven biển, các Khu kinh tế cửa khẩu, các cảng hàng không, cảng biển...

- Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tái cấu trúc nền kinh tế của tỉnh theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững theo yêu cầu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; thúc đẩy tinh thần kinh doanh trong toàn xã hội.

- Tiếp tục đẩy nhanh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, khai thác không gian phát triển mới của tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất), lấy đô thị làm động lực phát triển. Tập trung nguồn lực cho hạ tầng chiến lược, trọng điểm; phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao, bảo đảm an ninh năng lượng. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào vận hành các dự án nguồn điện, đường dây và trạm biến áp có trong Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, đặc biệt là các dự án nguồn điện lớn. Đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội các khu kinh tế, khu công nghiệp; tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm tăng cường thu hút đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện, đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, đào tạo toàn diện, chú trọng công tác giáo dục và đào tạo vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hoàn thiện hệ thống giáo dục theo định hướng mở, linh hoạt, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi công dân và thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết của Bộ Chính trị (sau khi được thông qua).

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch; thu hút nguồn lực cho phát triển khoa học công nghệ, các cơ sở nghiên cứu, các ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Phát triển kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát. Tăng cường kiểm soát quyền lực; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Xây dựng đội ngũ cán bộ có

trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có khát vọng vươn lên, khát vọng phát triển; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Chú trọng, làm tốt công tác an sinh xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân. Tích cực triển khai Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội; Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác chăm sóc sức khỏe toàn dân (sau khi được ban hành); tăng cường y tế cơ sở, y tế dự phòng. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có đổi mới chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng chính sách, trẻ em, bình đẳng giới, chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; đẩy mạnh các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG).

- Chú trọng thúc đẩy công nghiệp văn hóa, đưa văn hóa trở thành một động lực kinh tế và sức mạnh mềm của tỉnh. Khai thác tối ưu và hợp lý các di sản văn hóa, thiên nhiên, đặc biệt là Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Đẩy mạnh phát triển du lịch; tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược là các tập đoàn uy tín, có tiềm lực, kinh nghiệm đầu tư phát triển du lịch; phát triển các sản phẩm du lịch lịch sử - cách mạng, du lịch văn hóa - tâm linh kết hợp với du lịch hành lang kinh tế Đông - Tây, du lịch về đêm, dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm quy mô lớn, sản phẩm du lịch mùa Đông - Xuân, phát triển các sản phẩm du lịch xanh, du lịch Netzero, du lịch thích ứng với thời tiết...

- Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập trung thực hiện hiện đại hóa cơ sở vật chất của lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; phát triển nền công nghiệp quốc phòng, an ninh tự lực, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, góp phần củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị. Chuẩn bị tốt các hoạt động đối ngoại với nội dung ngoại giao kinh tế là trọng tâm.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, củng cố niềm tin, tạo đồng thuận xã hội.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các sở, ngành và địa phương cụ thể hóa các cơ chế, giải pháp, chính sách bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều



kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, địa phương để thực hiện thành công kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2026 – 2028

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

1. Về dự toán thu ngân sách nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Tài chính, Chi cục Thuế Khu vực XI, Chi cục Hải quan Khu vực IX:

- Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2026 theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước. Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2026 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 10- 12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2026 tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025.

- Toàn bộ số thu từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (nếu có); đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp theo các Nghị quyết và Kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị; ưu tiên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội ngay từ khâu xác

định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2026. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; xác định các khoản giảm chi thường xuyên và chi đầu tư gắn với việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc cho chủ trương. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Chi đầu tư phát triển

Bám sát các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 - 2030, dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2026 - 2030; định hướng xây dựng kế hoạch Tài chính của tỉnh, vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của HĐND tỉnh (nếu có) quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, các quy hoạch quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương giai đoạn 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng cân đối của NSNN trong năm; Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án.

2.2. Đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030, bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, sắp xếp, tinh gọn bộ máy; thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách.

2.3. Về chi NSNN cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

2.4. Các nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của sở, ngành lập dự toán theo đúng quy định, nguyên tắc, tiêu chí đầu tư tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị có dự án đầu tư từ nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của

sở, ngành thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi liên quan đến chi đầu tư nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của sở, ngành theo quy định (nếu có).

2.5. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2.8. Các sở, ngành, địa phương căn cứ vào chế độ tiền lương, lương hưu, trợ cấp đối với người có công, các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện trong năm 2025, rà soát, lập dự toán cho năm 2026, chi tiết quỹ lương, các khoản đóng góp, các chính sách, chế độ chi cho con người, kèm theo mức tăng, giảm cụ thể; các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế (nếu có).

2.7. Đối với các chương trình MTQG: Căn cứ vào dự toán Trung ương giao cho địa phương, các cơ quan chủ quản Chương trình MTQG xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2026 của từng chương trình chi tiết theo từng sở, ngành và từng địa phương, kinh phí đầu tư phát triển, thường xuyên theo từng lĩnh vực chi và tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Các sở, ngành, UBND các đơn vị hành chính cấp xã và các đơn vị có liên quan tập trung xây dựng dự toán bám sát mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương, dự toán NSDP năm 2026 đảm bảo cân đối đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; ưu tiên nguồn cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Ngoài các quy định hướng dẫn chung về công tác lập dự toán NSNN tại Chỉ thị này, việc thực hiện dự toán NSDP các cấp năm 2026 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách trên địa bàn:

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách phát sinh mới trên địa bàn. Cập nhật cơ chế mới trong quản lý nguồn thu được cấp có thẩm quyền ban hành, nhất là cơ chế điều tiết nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và cấp xã.

b) Dự toán chi ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán chi cân đối NSDP năm 2026; trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2026 của địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (nếu có) và các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành theo thẩm quyền, các địa phương xây dựng dự toán chi NSDP, chi tiết từng lĩnh vực chi (trong đó ưu tiên và tổng hợp riêng chi các nhiệm vụ theo Nghị quyết số



57-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW - gồm cả chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo đúng chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước.

c) Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của việc vay nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển, đánh giá lựa chọn nguồn vốn vay phù hợp và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP trước khi đề xuất các khoản vay mới.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2026 - 2028

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; Nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh.

2. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Sở Tài chính:

a) Căn cứ Đề cương báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026” của Bộ Tài chính để ban hành văn bản hướng dẫn cho các sở, ngành, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với Chi cục Thống kê, các sở, ngành liên quan tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu KT-XH chủ yếu cho năm 2026 và tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính *trước ngày 31/7/2025*.

2. Chi cục Thống kê:

Đối với chỉ tiêu GRDP, sử dụng số liệu của Cục Thống kê công bố, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, ước thực hiện năm 2025 và



dự kiến chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026, báo cáo UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Tài chính) **trước ngày 20/7/2025**.

3. Các sở, ngành và địa phương:

a) Xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026. Đối với chỉ tiêu GRDP và các chỉ tiêu thống kê; phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2025 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.

b) Gửi các dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 đến Sở Tài chính **trước ngày 15/7/2025**.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2026-2028

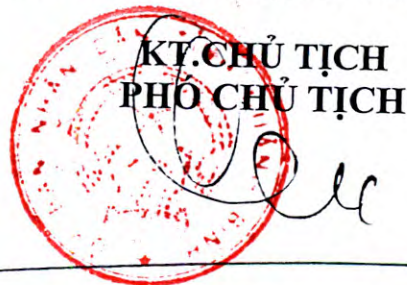
1. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026 của tỉnh phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan theo quy định.

2. Sở Nội vụ, các sở, ngành và địa phương khẩn trương xác định biên chế năm 2026, các năm 2027 - 2028 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các đơn vị hành chính cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác sử dụng NSNN có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./. ✓

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các đơn vị hành chính cấp xã;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KT, NC-VX;
- Trung tâm Tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



Hoàng Xuân Tân